

ĐƠN CHÀO GIÁ GÓI KHÁM SỨC KHỎE NĂM 2025
Kính gửi: QUÝ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIDV

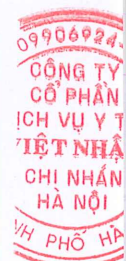
Phòng khám Đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka

- Là thành viên của Hiệp hội Ningendock Nhật Bản, mã số thành viên C2292, liên kết hợp tác Y tế với gần 40 Bệnh viện hàng đầu tại Nhật;
- Là biểu tượng ngoại giao Hợp tác Y tế giữa Việt Nam và Nhật Bản;
- Trang thiết bị Y tế hiện đại từ Nhật, đồng bộ phần cứng và phần mềm. CÔNG NGHỆ AI VƯỢT TRỘI: giảm liều tia bức xạ hấp thụ vào cơ thể, dự đoán từ rất sớm dấu ấn ung thư và không bỏ sót bất thường. PHẦN MỀM SYNAPSE 3D cho phép phân tích dữ liệu hình ảnh màu đa chiều, toàn diện giúp bác sĩ đánh giá chính xác được mức độ tổn thương. CÔNG NGHỆ LƯU TRỮ VÀ TRUYỀN HÌNH ẢNH THEO THỜI GIAN THỰC - PACS lưu truyền chất lượng hình ảnh tuyệt đối chính xác theo thời gian thực chụp, giúp đảm bảo tính hiệu quả của việc tham vấn ý kiến y tế thứ 2.
- Chuyên môn chân chính từ đội ngũ Bác sĩ đầu ngành của Việt Nam và Nhật Bản;
- Quy trình thăm khám chuẩn Nhật kỹ càng, tỷ mỉ, tận tâm;
- Dịch vụ chuẩn tinh thần Omoitenashi Nhật Bản;
- Hỗ trợ thăm khám và điều trị tại Nhật;
- Dịch vụ Bác sĩ riêng tận tâm, quản lý theo dõi sức khỏe trọn đời.

Trung tâm Y khoa Nhật Bản T-Matsuoka trân trọng gửi tới Quý cơ quan đơn giá chào hàng Gói khám sức khỏe cho năm 2025, chi tiết như sau:

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	GIÁ ƯU ĐÃI	
			NAM	NỮ
I	KHÁM LÂM SÀNG			
1	KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	125,000	125,000
2	KSK_Kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	Free	Free
3	KSK_Khám mắt	Kiểm tra thị lực của mắt. Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	115,000	115,000
4	KSK_Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	90,000	90,000
5	KSK_Kiểm tra TMH	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai.	260,000	260,000
6	KSK_Khám phụ khoa	Đánh giá yếu tố nguy cơ khám kiểm phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.		110,000
II	XÉT NGHIỆM			
7	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bảng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	70,000	70,000
8	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	30,000	30,000
9	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	35,000	35,000
10	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	50,000	50,000
11	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	50,000	50,000

12	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	30,000	30,000
13	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	30,000	30,000
14	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	30,000	30,000
15	Định lượng Acid uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	30,000	30,000
16	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	30,000	30,000
17	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	30,000	30,000
18	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	30,000	30,000
19	Định lượng HbA1c	Đánh giá mức độ kiểm soát đường huyết trước đó 3 tháng, theo dõi điều trị tiểu đường	60,000	60,000
20	Định lượng Sắt huyết thanh	Đánh giá tình trạng sắt và dự trữ sắt trong cơ thể có liên quan đến chế độ ăn, bệnh lý thiếu máu, bệnh truyền nhiễm, rối loạn tại gan, rối loạn chức năng sản xuất máu...	30,000	30,000
21	HBsAg miễn dịch tự động (định tính)	Đánh giá tình trạng mắc virus viêm gan B	105,000	105,000
22	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu. Protein niệu dương tính là một gợi ý cho các tổn thương cầu thận. Đây là xét nghiệm bán định lượng, để chẩn đoán chính xác cần dựa trên triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chuyên sâu khác	45,000	45,000
23	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tế bào gan nguyên phát, ung thư tế bào mầm (tinh hoàn)...	110,000	110,000
24	Định lượng Cyfra 21- 1	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư phổi	155,000	155,000
25	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	Tầm soát ung thư đường tiêu hóa, đại trực tràng	125,000	125,000
26	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tiền liệt tuyến.	180,000	
27	Định lượng CA 72-4	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư dạ dày		110,000
28	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên		110,000
29	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên		115,000
30	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên		185,000
31	Định lượng SCC:	Theo dõi, phát hiện ung thư tế bào vảy, loại tế bào thường có ở phổi, vòm họng, tử cung, buồng trứng...	120,000	120,000



✓

ty

